

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

HỆ : Chính quy tập trung

NGÀNH ĐÀO TẠO : Giáo dục Tiểu học (4 năm)

/QĐ-ĐT ngày

của Hiệu trưởng Trường ĐHSP-ĐHĐN)

KHÓA 2019

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần h. trước/t. quyết	Khoa giảng dạy
			TC	LT	TH			
					L1	L2		
		KHỐI KIẾN THỨC CHUNG						
1	212 3 1902	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	0		
2	213 2 1901	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0	0		
3	212 2 1903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	0		
4	212 2 1904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	0		
5	213 2 1922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	0		
6	312 2 1885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	2	1	0	1		TIN
7	316 2 1549	Pháp luật đại cương	2	2	0	0		GDCT
8	001 0 1265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(0)	(1)		GDTC
9	001 0 1266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(0)	(1)		GDTC
10	001 0 1267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(0)	(1)		GDTC
11	001 0 1268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(0)	(1)		GDTC
12	002 0 1264	Giáo dục quốc phòng	(4t)			(4t)		GDQP
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	15	14	0	1		
		KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH						
13	320 4 1729	Tâm lý học Sư phạm tiểu học	4	3	1	0		TL-GD
14	320 2 1258	Giáo dục học tiểu học (1)	2	1	1	0		TLGD
15	320 3 1259	Giáo dục học tiểu học (2)	3	2	1	0	14	TL-GD
16	320 2 1274	Giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học	2	1	1	0		TL-GD
17	320 2 1254	Giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học	2	1	1	0		TL-GD
18	322 2 1155	Nhập môn Giáo dục Tiểu học	2	1	1	0		GDTH
19	322 2 1601	Phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở tiểu học	2	1	1	0		GDTH
20	320 2 1641	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	1	1	0		TL-GD
21	322 2 1876	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	2	1	1	0		GDTH
22	322 4 1093	Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	4	3	1	0		GDTH
23	322 4 1094	Cơ sở Việt ngữ 2 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	4	3	1	0	22	GDTH
24	322 4 1967	Văn học thiếu nhi	4	3	1	0		GDTH
25	322 2 1891	Tổ chức hoạt động Đội thiếu niên và Sao nhi đồng	2	0	0	2		GDTH
26	322 3 1088	Cơ sở Toán học 1 của môn Toán ở tiểu học	3	2	1	0		GDTH
27	322 3 1089	Cơ sở Toán học 2 của môn Toán ở tiểu học	3	2	1	0	26	GDTH
28	322 2 1683	Sinh lý học trẻ em	2	1	1	0		GDTH
29	322 2 1927	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học	2	1	1	0	33,37	GDTH
30	322 2 1767	Xác suất và Thống kê trong giáo dục tiểu học	2	1	1	0		GDTH
31	322 2 1262	Giáo dục môi trường cho HS tiểu học	2	1	1	0		GDTH
32	322 3 1890	Tổ chức hoạt động cắm trại văn học cho học sinh tiểu học	3	2	1	0	23	GDTH
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	52	31	19	2		
		KHỐI KIẾN THỨC PHƯƠNG PHÁP VÀ NGHIỆP VỤ						
33	322 4 1576	Phương pháp dạy học toán ở tiểu học	4	3	1	0	27*	GDTH
34	322 3 4141	Thực hành vận dụng phương pháp dạy học toán ở tiểu học	3	2	1	0	33	GDTH
35	322 3 4139	Thực hành giải toán ở tiểu học	3	2	1	0	34	GDTH
36	322 4 4021	Đại cương phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	4	3	1	0	23	GDTH
37	322 4 4095	Phương pháp dạy học các phân môn Tiếng Việt ở tiểu học	4	3	1	0	36*	GDTH
38	322 3 1080	Cơ sở Khoa học Tự nhiên và phương pháp dạy học ở tiểu học	3	2	1	0		GDTH
39	322 3 1081	Cơ sở Khoa học Xã hội và phương pháp dạy học ở tiểu học	3	2	1	0		GDTH
40	322 2 1773	Công nghệ và phương pháp dạy học ở tiểu học	2	1	1	0		GDTH
41	322 2 1894	Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho HS tiểu học	2	1	1	0		GDTH

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần h. trước/t. quyết	Khoa giảng dạy
			TC	LT	TH			
					L1	L2		
42	322 3 1008	Âm nhạc và PP giáo dục âm nhạc ở tiểu học	3	2	1	0		GDTH
43	322 4 1477	Mỹ thuật và phương pháp dạy học Mỹ thuật ở tiểu học	4	3	1	0		GDTH
44	322 2 1920	Từ Hán Việt và dạy từ Hán Việt ở tiểu học	2	1	1	0		GDTH
45	322 2 1689	Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học	2	1	1	0		GDTH
46	322 2 1357	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học	2	1	1	0	33,37	GDTH
47	322 2 1667	Rèn luyện kỹ năng sư phạm 1 ở tiểu học	2	0	2	0	33,37,39	GDTH
48	322 2 1668	Rèn luyện kỹ năng sư phạm 2 ở tiểu học	2	0	2	0	47	GDTH
49	322 2 1669	Rèn luyện kỹ năng sư phạm 3 ở tiểu học	2	0	2	0	48	GDTH
50	303 2 1361	Kiến tập sư phạm	2	0	2	0		
51	303 4 1843	Thực tập sư phạm	4	0	4	0	50	
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	53	27	26	0		
		HỌC PHẦN TỰ CHỌN						
52	331 2 1252	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	2	1	1	0		SINH-MT
53	320 2 1373	Kỹ năng tham vấn học đường	2	1	1	0	13	TL-GD
54	317 2 1091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1	1	0		Ngữ Văn
55	322 2 1884	Tin học chuyên ngành 2	2	1	1	0	6	TIN
56	322 2 1156	Phát triển lời nói cho học sinh tiểu học trên bình diện ngữ âm	2	1	1	0		GDTH
57	322 2 1160	Dạy học tích hợp các môn học ở tiểu học	2	1	1	0		GDTH
58	322 2 1260	Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học	2	1	1	0		GDTH
59	322 2 1700	Sử dụng phương pháp bàn tay nặn bột trong dạy học tiểu học	2	1	1	0		GDTH
60	322 2 1677	Các mô hình dạy học hiệu quả của trường tiểu học	2	1	1	0		GDTH
61	322 2 1157	Dạy học khoa học theo tiến trình tìm tòi, khám phá ở tiểu học	2	1	1	0		GDTH
62	322 2 1158	Kỹ thuật dạy học Lịch sử - Địa lý ở tiểu học	2	1	1	0		GDTH
63	322 2 1163	Dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp ở tiểu học	2	1	1	0		GDTH
64	322 3 1159	Số học ở tiểu học	3	2	1	0		GDTH
65	322 2 1550	Phát triển chương trình giáo dục tiểu học	2	1	1	0	33,37	GDTH
66	303 6 1338	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	6	0		GDTH
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	35	15	20	0		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			155					
Tổng số tín chỉ bắt buộc			120					
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			10					

Ghi chú: - Không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng
- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *

Điều kiện tốt nghiệp:

- Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc
- Đạt chuẩn đầu ra Tin học
- Đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ

TRƯỞNG KHOA

Handwritten signature
TS. Hoàng Nam Hải



PGS.TS. LƯU TRANG

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

HỆ : Chính quy tập trung

NGÀNH ĐÀO TẠO : Giáo dục Tiểu học (4 năm)

/QĐ-ĐT ngày

của Hiệu trưởng Trường ĐHTSP-ĐHĐN)

KHÓA 2019

HỌC KỲ	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần h. trước/t. quyết	Ghi chú
			TC	LT	TH			
					L1	L2		
1	322 2 1155	Nhập môn Giáo dục Tiểu học	2	1	1	0		
	320 4 1729	Tâm lý học Sư phạm tiểu học	4	3	1	0		
	320 2 1258	Giáo dục học tiểu học (1)	2	1	1	0		
	322 3 1088	Cơ sở Toán học 1 của môn Toán ở tiểu học	3	2	1	0		
	322 4 1093	Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	4	3	1	0		
	322 4 1967	Văn học thiếu nhi	4	3	1	0		
		Học phần tự chọn:						
	001 0 1265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(0)	(1)		
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			19	13	6	0		
2	212 3 1902	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	0		
	312 2 1885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	2	1	0	1		
	322 3 1089	Cơ sở Toán học 2 của môn Toán ở tiểu học	3	2	1	0	26	
	322 4 1094	Cơ sở Việt ngữ 2 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	4	3	1	0	22	
	320 3 1259	Giáo dục học tiểu học (2)	3	2	1	0	14	
		Học phần tự chọn:						
	001 0 1266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(0)	(1)		
	002 0 1264	Giáo dục quốc phòng	(4t)					
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			15	11	3	1		
3	213 2 1901	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0	0		
	316 2 1549	Pháp luật đại cương	2	2	0	0		
	322 2 1767	Xác suất và Thống kê trong giáo dục tiểu học	2	1	1	0		
	322 2 1876	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	2	1	1	0		
	322 3 1008	Âm nhạc và PP giáo dục âm nhạc ở tiểu học	3	2	1	0		
	322 3 1081	Cơ sở Khoa học Xã hội và phương pháp dạy học ở tiểu học	3	2	1	0		
	322 2 1894	Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho HS tiểu học	2	1	1	0		
		Học phần tự chọn:						
	001 0 1267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(0)	(1)		
	320 2 1373	Kỹ năng tham vấn học đường	2	1	1	0	13	
	317 2 1091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1	1	0		
	331 2 1252	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	2	1	1	0		
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			22	14	8	0		
4	212 2 1903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	0		
	322 2 1920	Từ Hán Việt và dạy từ Hán Việt ở tiểu học	2	1	1	0		
	322 4 4021	Đại cương phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	4	3	1	0	23	
	322 4 1576	Phương pháp dạy học toán ở tiểu học	4	3	1	0	27*	
	322 2 1773	Công nghệ và phương pháp dạy học ở tiểu học	2	1	1	0		
	322 2 1683	Sinh lí học trẻ em	2	1	1	0		
	322 2 1667	Rèn luyện kĩ năng sư phạm 1 ở tiểu học	2	0	2	0	33,37,39	
		Học phần tự chọn:						
	001 0 1268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(0)	(1)		
	322 2 1700	Sử dụng phương pháp bàn tay nặn bột trong dạy học tiểu học	2	1	1	0		
	322 2 1884	Tin học chuyên ngành 2	2	1	1	0	6	
	322 2 1156	Phát triển lời nói cho học sinh tiểu học trên bình diện ngữ âm	2	1	1	0		
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			24	14	10	0		

HỌC KỲ	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần h. trước/t. quyết	Ghi chú
			TC	LT	TH			
					L1	L2		
5	212 2 1904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	0		
	322 2 1601	Phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở tiểu học	2	1	1	0		
	322 3 1080	Cơ sở Khoa học Tự nhiên và phương pháp dạy học ở tiểu học	3	2	1	0		
	322 4 4095	Phương pháp dạy học các phân môn Tiếng Việt ở tiểu học	4	3	1	0	36*	
	322 3 4141	Thực hành vận dụng phương pháp dạy học toán ở tiểu học	3	2	1	0	33	
	322 4 1477	Mỹ thuật và phương pháp dạy học mỹ thuật ở tiểu học	4	3	1	0		
	322 2 1668	Rèn luyện kỹ năng sư phạm 2 ở tiểu học	2	0	2	0	47	
		Học phần tự chọn:						
	322 2 1550	Phát triển chương trình giáo dục tiểu học	2	1	1	0		
	322 2 1158	Kỹ thuật dạy học Lịch sử - Địa lý ở tiểu học	2	1	1	0		
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		24	15	9	0		
6	213 2 1922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	0		
	320 2 1274	Giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học	2	1	1	0		
	322 2 1891	Tổ chức hoạt động Đội thiếu niên và Sao nhi đồng	2	0	0	2		
	322 2 1927	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học	2	1	1	0	33,37	
	322 3 4139	Thực hành giải toán ở tiểu học	3	2	1	0	34	
	322 2 1689	Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học	2	1	1	0		
	320 2 1254	Giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học	2	1	1	0		
	322 2 1669	Rèn luyện kỹ năng sư phạm 3 ở tiểu học	2	0	2	0	48	
		Học phần tự chọn:						
	322 2 1157	Dạy học khoa học theo tiến trình tìm tòi, khám phá ở tiểu học	2	1	1	0		
	322 2 1677	Các mô hình dạy học hiệu quả của trường tiểu học	2	1	1	0		
	322 2 1163	Dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp ở tiểu học	2	1	1	0		
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		0	0	0	0		
7	320 2 1641	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	1	1	0		
	322 3 1890	Tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học	3	2	1	0	23	
	322 2 1357	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học	2	1	1	0	33,37	
	322 2 1262	Giáo dục môi trường cho HS tiểu học	2	1	1	0		
	303 2 1361	Kiểm tập sư phạm	2	0	2	0		
		Học phần tự chọn:						
	322 2 1160	Dạy học tích hợp các môn học ở tiểu học	2	1	1	0		
	322 2 1260	Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học	2	1	1	0		
	322 3 1159	Số học ở tiểu học	3	2	1	0		
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		18	9	9	0		
8	303 4 1843	Thực tập sư phạm	4	0	4	0	50	
		Học phần tự chọn:						
	303 6 1338	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	6	0		
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		10	0	10	0		

Ghi chú: - Không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng

- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *

Điều kiện tốt nghiệp:

Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc

Đạt chuẩn đầu ra Tin học

Đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ

TRƯỞNG KHOA

Handwritten signature
TS. Hoàng Nam Hải



PGS.TS. LƯU TRANG